TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ngọc.

2. Ông Nguyễn Hữu Tỉnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Huyền Thương, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị K, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ dân phố S, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: ông Bùi Công T, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, bà K và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị K và bị đơn ông Bùi Công T trình bày:

Bà K và ông T có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, sau đó xảy

ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai người đã không còn chung sống từ năm 2008, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa.

Đến nay, hai người vẫn chưa đăng ký kết hôn, bà K yêu cầu giải quyết là không công nhận quan hệ giữa bà và ông T là vợ chồng. Ông T nhất trí với yêu cầu của bà K là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người.

Về nuôi con: Giữa bà K và ông T thống nhất có hai con chung tên là Bùi Thị O, sinh năm 1994 và Bùi Tiến Đ, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà K và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà K và bị đơn ông T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông T.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà K và ông T chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Bà K và ông T đều có yêu cầu không công nhận quan hệ giữa hai người là vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ chung sống giữa bà K và ông T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con: Giữa bà K và ông T có hai con chung sinh năm 1994 và năm 2002 đều đã trưởng thành và tự lập nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà K và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Bà K có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà K và ông T có quyền kháng cáo bản án này quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị K và ông Bùi Công T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự mà bà K đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000521 ngày 25 tháng 12 năm 2023. Bà Khuyên đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà K và ông T có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường